

Số: 3321/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành bộ tiêu chí chấm điểm, bình xét thi đua
các cụm, khối thi đua tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005, năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 04/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Sơn La;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 891/TTr-SNV ngày 08 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bộ tiêu chí chấm điểm, bình xét thi đua các cụm, khối thi đua tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc các cụm, khối thi đua của tỉnh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*hiệp*

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Ban Thi đua Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thành viên HĐ TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo VP, CVCK, TT Thông tin;
- Lưu: VT, NC, (Hiệp.80b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cầm Ngọc Minh



TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

Khối huyện, thành phố

(Kèm theo Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Điểm chuẩn	Điểm cộng	Điểm trừ	Tổng điểm
1	2	3	4	5	6 (6=3+4-5)
A	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ	340			
I	Các tiêu chí về phát triển kinh tế	150			
1	Sản xuất nông, lâm nghiệp	60			
1.1	Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp (đạt 100% KH được 10 điểm; cứ 3 % tăng được cộng 1 điểm; 3 % giảm bị trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 10 điểm)	10			
1.2	Tổng sản lượng lương thực cây có hạt (đạt 100% KH được 6 điểm; cứ 5 % tăng được cộng 1 điểm; 5% giảm trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 6 điểm)	6			
1.3	Tổng số đàn trâu, bò (đạt KH được 6 điểm; cứ 3% tăng được cộng 1 điểm; 3 % giảm trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 6 điểm)	6			
1.4	Diện tích trồng mới cây công nghiệp hàng năm (đạt KH được 6 điểm; cứ 3% tăng được cộng 1 điểm; 3 % giảm trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 6 điểm)	6			
1.5	Diện tích rừng trồng mới (đạt KH được 10 điểm; cứ 2 % tăng, cộng 1 điểm; 2 % giảm, trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 10 điểm)	10			
1.6	Tỷ lệ che phủ rừng (đạt KH được 6 điểm; cứ 3 % tăng, cộng 1 điểm; 3 % giảm, trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 6 điểm)	6			
1.7	Diện tích rừng được bảo vệ hàng năm (đạt 95% trở lên được 6 điểm; từ 85% - 94% được 5 điểm; từ 70% đến 84 % được 4 điểm; đạt dưới 70% không tính điểm)	6			
1.8	Công tác phòng chống bão lũ, giảm nhẹ thiên tai (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 7 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	10			
2	Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới	20			
2.1	Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 8 điểm; Trung bình 5 điểm)	10			
2.2	Cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần cho người dân trên địa bàn nông thôn (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 8 điểm; Trung bình 5 điểm)	10			
2.3	Thực hiện có hiệu quả các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn: Mỗi một xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được				

3	Tổng thu ngân sách (đạt KH được 40 điểm; cứ 2% tăng được cộng 1 điểm; 2% giảm bị trừ 01 điểm; cộng, trừ không quá 20 điểm)	40		
4	Công tác đầu tư phát triển	30		
4.1	Thực hiện có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của nhà nước (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 15 điểm; Khá: tối đa 10 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	15		
4.2	Thu hút nguồn vốn đầu tư trên địa bàn huyện, thành phố (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 15 điểm; Khá: tối đa 10 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	15		
II	Các tiêu chí về văn hóa, xã hội	130		
1	Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, xây dựng xã hội học tập	40		
1.1	Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường (đạt 98% KH trở lên được 7 điểm; từ 90 -97% được 5 điểm; từ 80% -89% được 3 điểm; đạt dưới 80% không tính điểm)	7		
1.2	Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia (Duy trì số trường đạt chuẩn QG so với năm trước được 10 điểm; trong năm cứ thêm 1 trường được cộng 2 điểm, giảm 1 trường bị trừ 2 điểm)	10		
1.3	Số lượng học sinh đạt học sinh giỏi: mỗi h/s giỏi cấp tỉnh, được cộng 01 điểm; mỗi h/s đạt giải cấp Quốc gia, được cộng 02 điểm; mỗi h/s đạt giải Quốc tế, được cộng 05 điểm (không tính học sinh trường THPT chuyên; điểm cộng không quá 30 điểm)			
1.4	Thực hiện chương trình kiên cố hóa trường lớp học, xóa phòng học tạm (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 7 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	10		
1.5	Số lao động được đào tạo nghề (đạt KH được 6 điểm; cứ 2% tăng được cộng 1 điểm; 2% giảm trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 6 điểm)	6		
1.6	Số xã có trung tâm học tập cộng đồng (đạt KH được 7 điểm; cứ 2% tăng được cộng 1 điểm; 2% giảm bị trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 7 điểm)	7		
2	Lĩnh vực y tế, dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân	30		
2.1	Xây dựng xã, phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế (Duy trì số xã đạt chuẩn QG về y tế so với năm trước được 10 điểm; trong năm cứ thêm 1 xã chuẩn QG được cộng 2 điểm, giảm 1 xã bị trừ 2 điểm)	10		
2.2	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng (đạt KH được 10 điểm; cứ 2% giảm, cộng 1 điểm; 1% tăng, trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 10 điểm)	10		
2.3	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng (đạt 90% trở lên được 5 điểm; từ 80% -89% được 3 điểm; từ 70% đến 79% được 1 điểm; đạt dưới 70% không tính điểm)	5		
2.4	Thực hiện các chương trình y tế quốc gia, làm tốt công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, phòng chống dịch bệnh	5		

	(đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 5 điểm; Khá: tối đa 3 điểm; Trung bình: 1 điểm)			
3	Công tác xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống cho người dân	40		
3.1	Tỷ lệ hộ nghèo (đạt KH được 10 điểm; cứ 1% giảm, cộng 2 điểm; 1% tăng, trừ 2 điểm; cộng, trừ không quá 10 điểm)	10		
3.2	Tỷ lệ các hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa (đạt KH được 10 điểm; cứ 2% tăng, cộng 1 điểm; 2% giảm, trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 10 điểm)	10		
3.3	Tỷ lệ các bản, tiểu khu được công nhận đơn vị văn hóa (đạt KH được 5 điểm; cứ 3% tăng, cộng 1 điểm; 3% giảm, trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 5 điểm)	5		
3.4	Tỷ lệ các cơ quan, đơn vị được công nhận đơn vị văn hóa (đạt KH được 5 điểm; cứ 3% tăng, cộng 1 điểm; 3% giảm, trừ 1 điểm; cộng, trừ không quá 5 điểm)	5		
3.5	Thực hiện công tác an sinh xã hội, triển khai kịp thời, đầy đủ các chính sách đối với người có công, gia đình chính sách và các đối tượng xã hội (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 5 điểm; Khá: tối đa 3 điểm; Trung bình: 1 điểm)	5		
3.6	Thực hiện tốt công tác dân tộc, kịp thời nắm bắt và giải quyết vướng mắc về vấn đề dân tộc trên địa bàn (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 5 điểm; Khá: tối đa 3 điểm; Trung bình: 1 điểm)	5		
4	Công tác phòng, chống ma túy	20		
4.1	Tỷ lệ đơn vị đạt tiêu chuẩn không có ma túy (đạt KH được 10 điểm; cứ 1% tăng, cộng 1 điểm; 1% giảm, trừ 2 điểm; cộng, trừ không quá 10 điểm)	10		
4.2	Số người nghiện ma túy (Giữ mức so với năm trước được 5 điểm; cứ 1% giảm, cộng 1 điểm; 1% tăng, trừ 2 điểm; cộng, trừ không quá 5 điểm)	5		
4.3	Công tác hỗ trợ, cắt cơn nghiện, giải quyết người tái nghiện và quản lý cai nghiện tại gia đình và cộng đồng (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 5 điểm; Khá: tối đa 3 điểm; Trung bình: 1 điểm)	5		
III	Công tác Quốc phòng, An ninh chính trị, trật tự ATXH	60		
1	Công tác quốc phòng	30		
1.1	Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 7 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	10		
1.2	Thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 7 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	10		
1.3	Hoàn thành tốt các chỉ tiêu huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 7 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)	10		
2	Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội	30		
2.1	Giữ vững ổn định an ninh chính trị, không để xảy ra vụ việc phức tạp, giảm tội phạm về trật tự xã hội	12		

	(đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 12 điểm; Khá: tối đa 8 điểm; Trung bình: tối đa 5 điểm)			
2.2	Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 8 điểm; Khá: tối đa 5 điểm; Trung bình: tối đa 3 điểm)	8		
2.3	Tổ chức các cuộc vận động Toàn dân tham gia chuyển hóa địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự cấp xã, cấp bản (Thực hiện đủ chỉ tiêu giao: 7 điểm; vượt chỉ tiêu: 10 điểm; không đạt chỉ tiêu: không được điểm)	10		
3	Công tác đảm bảo an toàn giao thông Tính điểm theo thứ tự xếp hạng an toàn giao thông trong tỉnh: (xếp hạng thứ 12 trong tỉnh không tính điểm; cứ tăng mỗi bậc được 2 điểm)			
B	CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	60		
1	Công tác xây dựng Đảng (hoàn thành xuất sắc: 12 điểm; hoàn thành tốt 8 điểm; hoàn thành nhiệm vụ 5 điểm; không hoàn thành nhiệm vụ, không tính điểm)	12		
2	Công tác xây dựng Mặt trận Tổ quốc (đạt vững mạnh: 8 điểm; khá: 5 điểm; trung bình: 3 điểm)	8		
3	Công tác xây dựng tổ chức Công đoàn (Tỷ lệ CĐCS trực thuộc xếp loại vững mạnh đạt 75% trở lên: được 8 điểm, đạt từ 60% đến dưới 75% được 5 điểm; đạt từ 50% đến dưới 60% được 3 điểm; đạt dưới 50%: không tính điểm)	8		
4	Công tác xây dựng tổ chức Đoàn Thanh niên (đạt xuất sắc: 8 điểm; vững mạnh: 5 điểm; khá: 3 điểm)	8		
5	Công tác xây dựng tổ chức Hội Liên hiệp Phụ nữ (đạt xuất sắc: 8 điểm; vững mạnh: 5 điểm; khá: 3 điểm)	8		
6	Công tác xây dựng tổ chức Hội Cựu chiến binh (đạt vững mạnh: 8 điểm; khá: 5 điểm; trung bình: 3 điểm)	8		
7	Công tác xây dựng tổ chức Hội Nông dân (đạt vững mạnh: 8 điểm; khá: 5 điểm; trung bình: 3 điểm)	8		
C	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	100		
1	Ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	15		
1.1	Triển khai kịp thời, có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng	5		
1.2	- Ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua, khen thưởng; các văn bản (hướng dẫn, kế hoạch...) về công tác thi đua, khen thưởng (có văn bản gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng): 5 điểm - Ban hành quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến (có văn bản gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng): 5 điểm	10		
2	Hưởng ứng, thực hiện các phong trào thi đua	10		
2.1	Triển khai kế hoạch thực hiện các phong trào thi đua do tỉnh phát động (có văn bản gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng)	5		
2.2	Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả của các phong trào thi đua do ngành, địa phương phát động và Hội nghị tổng kết công tác thi đua khen thưởng của huyện, thành phố	5		
3	Phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng gương điển hình tiên tiến	15		

3.1	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (có văn bản gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng)	5		
3.2	Thực hiện tuyên truyền và nhân rộng điển hình tiên tiến: - Biểu dương các gương điển hình tiên tiến hàng quý trên phương tiện truyền thông, công thông tin điện tử của huyện, thành phố: 5 điểm - Định kỳ giới thiệu gương điển hình tiên tiến về Ban Thi đua - Khen thưởng theo quy định: 5 điểm	10		
4	Công tác khen thưởng	25		
4.1	Trình khen thưởng kịp thời; thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng quy định	10		
4.2	Đề nghị khen thưởng đảm bảo đúng tiêu chuẩn theo quy định: + Có từ 90% đến 100% hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng tiêu chuẩn, được xét duyệt: 10 điểm; + Có từ 70% đến 89% hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng tiêu chuẩn, được xét duyệt: 7 điểm; + Có từ 50 đến 69% hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng tiêu chuẩn, được xét duyệt: 5 điểm; + Có dưới 50% hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng tiêu chuẩn, được xét duyệt: 0 điểm.	10		
4.3	Phát hiện và đề nghị khen thưởng cấp tỉnh đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất (có số liệu trong báo cáo tổng kết)	5		
5	Tổ chức bộ máy và bồi dưỡng về công tác thi đua, khen thưởng	15		
5.1	- Kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng: 05 điểm - Bổ chỉ cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo về năng lực, trình độ, ổn định về thời gian công tác: 05 điểm	10		
5.2	Tham dự đầy đủ, đúng thành phần các cuộc họp, hội nghị, tập huấn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng	5		
6	Chế độ thông tin báo cáo - Đăng ký thi đua: 3 điểm - Báo cáo kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng (báo cáo 6 tháng, tổng kết năm): 5 điểm - Báo cáo chấm điểm thi đua đúng thời gian quy định: 2 điểm	10		
7	Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng (đánh giá 3 mức: Tốt: tối đa 10 điểm; Khá: tối đa 8 điểm; Trung bình: 5 điểm)	10		
	CỘNG ĐIỂM = A + B + C	500		
Điểm cộng	1. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua khen thưởng ở cơ sở (có báo cáo gửi Ban TĐKT) (trong năm, huyện, thành phố có tổ chức tập huấn nghiệp vụ TĐKT: được cộng 10 điểm; không tổ chức tập huấn nghiệp vụ: không tính điểm)	10		
	2. Tỷ lệ khen thưởng cấp tỉnh năm trước liền kề của huyện, thành phố đạt từ 40% trở lên là người trực tiếp lao động; công chức; viên chức không làm công tác quản lý (có số liệu trong báo cáo tổng kết)	5		
	3. Năm trước liền kề huyện, thành phố có tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước (từ hình thức Bằng khen của	5		

	Thủ tướng Chính phủ trở lên); cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh (có số liệu trong báo cáo tổng kết)				
Điểm trừ	1. Tham gia các cuộc họp, hội nghị, tập huấn nghiệp vụ về thi đua, khen thưởng: vắng một cuộc họp không có lý do trừ 01 điểm (điểm trừ không quá -5 điểm)	- 5			
	2. Có hồ sơ đề nghị khen thưởng bị trả lại	- 5			
	3. Việc nộp báo cáo, các văn bản phối hợp thực hiện công tác thi đua, khen thưởng: - Mỗi văn bản nộp chậm: trừ 1 điểm - Mỗi văn bản không nộp: trừ 2 điểm				
	4. Huyện, thành phố còn xã đạt dưới 5 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới trừ 10 điểm	-10			
	<u>TỔNG CỘNG ĐIỂM (A+B+C)</u>				